

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách hộ có nhu cầu hỗ trợ theo Cuộc vận động hỗ trợ xây dựng nhà ở cho hộ nghèo, hộ gia đình chính sách, hộ còn khó khăn về nhà ở trên địa bàn tỉnh trong 02 năm 2024 - 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Chỉ thị số 42/CT-TTg ngày 09/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy nhanh triển khai xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn cả nước;

Căn cứ Chỉ thị số 22-CT/TU ngày 30/3/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Cuộc vận động hỗ trợ xây dựng nhà ở cho hộ nghèo, hộ gia đình chính sách, hộ còn khó khăn về nhà ở trên địa bàn tỉnh trong 02 năm 2024 - 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 05-KH/BCĐ ngày 10/4/2024 của Ban Chỉ đạo Cuộc vận động về việc thực hiện Cuộc vận động hỗ trợ xây dựng nhà ở cho hộ nghèo, hộ gia đình chính sách, hộ còn khó khăn về nhà ở trên địa bàn tỉnh trong 02 năm 2024 - 2025;

Căn cứ Công văn số 51-CV/BCĐ ngày 12/3/2025 của Ban Chỉ đạo Cuộc vận động tỉnh về việc khẩn trương hoàn thành việc rà soát và thống nhất danh sách đề nghị hỗ trợ xây dựng nhà ở cho hộ nghèo, hộ gia đình chính sách, hộ còn khó khăn về nhà ở trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Công văn số 07-CV/BCĐ ngày 11/4/2025 của Ban chỉ đạo Cuộc vận động tỉnh về việc khẩn trương rà soát, chốt danh sách đối tượng hỗ trợ của Cuộc vận động hỗ trợ xây dựng nhà ở cho hộ nghèo, hộ gia đình chính sách, hộ còn khó khăn về nhà ở trên địa bàn tỉnh trong 02 năm 2024 - 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo tại Tờ trình số 33/TTr-SDTTG ngày 09 tháng 6 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt danh sách hộ hỗ trợ xây dựng nhà ở cho hộ nghèo, hộ gia đình chính sách, hộ còn khó khăn về nhà ở trên địa bàn tỉnh, với các nội dung như sau:

*** Tổng số hộ có nhu cầu hỗ trợ nhà ở: 13.780 hộ** (trong đó: Xây mới 10.145 hộ; sửa chữa 3.635 hộ).

Chi tiết các đối tượng có nhu cầu hỗ trợ nhà ở cụ thể như sau:

- Hộ người có công và thân nhân người có công theo Chỉ thị số 22-CT/TU: 230 hộ (Xây mới 152 hộ; sửa chữa 78 hộ);
- Hộ nghèo: 3.036 hộ (Xây mới 2.450 hộ; sửa chữa 586 hộ);
- Hộ cận nghèo: 2.598 hộ (Xây mới 1.912 hộ; sửa chữa 686 hộ);
- Hộ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025: 4.476 hộ (Xây mới 2.713 hộ; sửa chữa 1.763 hộ);
- Hộ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030: 778 hộ xây mới.
- Hộ thuộc Đề án sắp xếp ổn định dân cư khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ ống, lũ quét tại các huyện miền núi của tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 theo Quyết định số 4845/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 và Quyết định số 511/QĐ-UBND ngày 21/02/2025 của UBND tỉnh: 115 hộ xây mới.
- Hộ khó khăn về nhà ở khác theo Chỉ thị số 22-CT/TU: 2.547 hộ (Xây mới 2.025 hộ; sửa chữa 522 hộ)

(Có biểu tổng hợp và chi tiết 26 huyện, thị xã, thành phố kèm theo).

Điều 2. Danh sách hộ nghèo, hộ gia đình chính sách, hộ còn khó khăn về nhà ở trên địa bàn tỉnh trong 02 năm 2024 - 2025 tại Điều 1 là cơ sở để Ban Chỉ đạo Cuộc vận động các cấp xem xét, quyết định hỗ trợ cho các hộ gia đình đảm bảo theo quy định.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Dân tộc và Tôn giáo, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Nội vụ theo chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp với các đơn vị có liên quan kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện theo quy định.

2. Sở Dân tộc và Tôn giáo, UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật, Trưởng Ban chỉ đạo cuộc vận động tỉnh, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và các cơ quan thanh tra, kiểm tra về tính pháp lý, thông tin, điều kiện hỗ trợ của các đối tượng đề nghị phê duyệt.

3. Giao UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh căn cứ danh sách phê duyệt tại Quyết định này tổ chức triển khai, thực hiện hỗ trợ cho các hộ gia đình làm nhà ở, đảm bảo theo đúng quy định hiện hành. Kịp thời tổng hợp, báo cáo các phát sinh vượt thẩm quyền giải quyết, xử lý (nếu có) gửi Sở Dân tộc và Tôn giáo để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, chỉ đạo.

4. Sau khi hoàn thành việc sắp xếp chính quyền địa phương 02 cấp, UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh căn cứ danh sách được phê duyệt tại Quyết định này tổ chức triển khai, thực hiện hỗ trợ cho các hộ gia đình làm nhà ở, đảm bảo theo đúng quy định hiện hành. Kịp thời tổng hợp, báo cáo các phát sinh vượt thẩm quyền giải quyết, xử lý (nếu có) gửi Sở Dân tộc và Tôn giáo để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, chỉ đạo.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

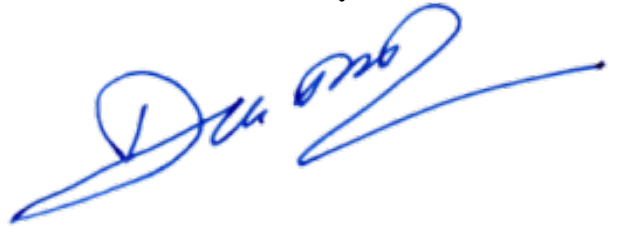
Quyết định này thay thế các Quyết định của UBND tỉnh: Số 3787/QĐ-UBND ngày 19/9/2024 phê duyệt danh sách hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ gia đình chính sách, hộ còn khó khăn về nhà ở trên địa bàn tỉnh (đợt 1); số 3945/QĐ-UBND ngày 02/10/2024 phê duyệt danh sách hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ gia đình chính sách, hộ còn khó khăn về nhà ở trên địa bàn tỉnh (đợt 2); số 4211/QĐ-UBND ngày 22/10/2024 phê duyệt danh sách hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ gia đình chính sách, hộ còn khó khăn về nhà ở trên địa bàn tỉnh (đợt 3); số 636/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 về việc sửa đổi thông tin, bổ sung và đưa ra khỏi danh sách hộ thuộc diện được hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ gia đình chính sách, hộ còn khó khăn về nhà ở trên địa bàn tỉnh đã được phê duyệt tại Quyết định số 4211/QĐ-UBND.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Dân tộc và Tôn giáo, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị có liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố có tên tại Điều 3 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 QĐ;
- TTr: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- Các thành viên Ban Chỉ đạo Cuộc vận động, theo Quyết định số 3935-QĐ/TU ngày 21/3/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (b/c);
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
- Lưu: VT, VHXX_{CD68}

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đầu Thanh Tùng

STT	Huyện, thị xã	Hình thức hỗ trợ			Đối tượng																				
		Tổng cộng	Xây mới	Sửa chữa	Người có công và thân nhân người có công theo Chỉ thị 22-CT/TU	Trong đó		Hộ nghèo	Trong đó		Hộ cận nghèo	Trong đó		Hộ khó khăn về nhà ở khác theo Chỉ thị số 22-CT/TU	Trong đó		Chương trình MTQG Giảm nghèo						Chương trình MTQG DTTS và MN		Đề án theo QĐ số 4845/QĐ-UBND
						Xây mới	Sửa chữa		Xây mới	Sửa chữa		Xây mới	Sửa chữa		Hộ nghèo	Trong đó		Hộ cận nghèo	Trong đó		Hộ dân tộc thiểu số nghèo	Hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã ĐBKk, thôn ĐBKk			
11	Hà Trung	84	79	5	2	1	1	39	38	1	15	14	1	28	26	2	-	-	-	-	-	-	-	-	-
12	Quảng Xương	182	134	48	17	16	1	63	47	16	41	34	7	61	37	24	-	-	-	-	-	-	-	-	-
13	Hoảng Hoá	145	131	14	15	14	1	37	31	6	24	22	2	69	64	5	-	-	-	-	-	-	-	-	-
14	Hậu Lộc	148	126	22	5	4	1	71	59	12	26	21	5	46	42	4	-	-	-	-	-	-	-	-	-
15	Nga Sơn	122	106	16	-	-	-	17	15	2	35	32	3	70	59	11	-	-	-	-	-	-	-	-	-
16	Như Thanh	225	200	25	3	2	1	110	98	12	27	26	1	76	65	11	-	-	-	-	-	-	9	-	-
17	Thạch Thành	332	261	71	7	4	3	132	88	44	60	49	11	74	61	13	-	-	-	-	-	-	59	-	-
18	Cẩm Thủy	288	223	65	6	4	2	96	69	27	65	47	18	115	97	18	-	-	-	-	-	-	6	-	-
19	Ngọc Lặc	566	526	40	1	1	-	190	165	25	111	101	10	180	175	5	-	-	-	-	-	-	84	-	-
20	Như Xuân	264	253	11	4	1	3	190	184	6	33	31	2	11	11	-	-	-	-	-	-	-	23	3	-
21	Thường Xuân	1067	881	186	9	8	1	239	198	41	218	163	55	59	38	21	212	171	41	97	70	27	221	4	8
22	Lang Chánh	1933	1243	690	-	-	-	265	189	76	369	233	136	216	184	32	487	313	174	498	226	272	97	-	1
23	Bá Thước	3342	2378	964	25	13	12	564	426	138	748	503	245	652	453	199	762	578	184	483	297	186	94	-	14
24	Quan Hoá	1289	1084	205	7	7	-	361	308	53	356	283	73	196	167	29	143	118	25	101	76	25	77	-	48

STT	Huyện, thị xã	Hình thức hỗ trợ			Đối tượng																				
		Tổng cộng	Xây mới	Sửa chữa	Người có công và thân nhân người có công theo Chỉ thị 22-CT/TU	Trong đó		Hộ nghèo	Trong đó		Hộ cận nghèo	Trong đó		Hộ khó khăn về nhà ở khác theo Chỉ thị số 22-CT/TU	Trong đó		Chương trình MTQG Giảm nghèo						Chương trình MTQG DTTS và MN		Đề án theo QĐ số 4845/QĐ-UBND
						Xây mới	Sửa chữa		Xây mới	Sửa chữa		Xây mới	Sửa chữa		Hộ nghèo	Trong đó		Hộ cận nghèo	Trong đó		Hộ dân tộc thiểu số nghèo	Hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã ĐBKK, thôn ĐBKK			
																Xây mới	Sửa chữa		Xây mới	Sửa chữa			Xây mới	Sửa chữa	
25	Quan Sơn	1401	832	569	7	7	-	160	122	38	102	73	29	60	42	18	590	353	237	406	159	247	60	-	16
26	Mường Lát	1142	797	345	1	1	-	189	189	-	66	66	-	121	121	-	487	296	191	210	56	154	39	1	28